

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 12 - 12 - 2017.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đội 4 thôn L xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc S, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đội 4 thôn L xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị M, vắng mặt anh Vũ Ngọc S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày: Chị M và anh Vũ Ngọc S kết hôn vào ngày 12 tháng 01 năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng nhau lên Hà Nội làm ăn kinh tế. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2015 đến nay, mặc dù đã được hai

bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn với anh Vũ Ngọc S.

Về con chung chị Phạm Thị M trình bày: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2012. Hiện nay cháu H đang ở với bà nội và anh S, hàng tháng chị M vẫn gửi tiền về nuôi dưỡng cháu H. Sau khi ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc Gia H và không yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng chị Phạm Thị M xác định chị và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí chị M đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vũ Ngọc S vắng mặt (anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng anh S có bản tự khai ngày 09/10/2017 nộp tại Tòa án. Nội dung bản tự khai của anh S hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị M về quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung. Vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Nay chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh S nhất trí ly hôn với chị M. Sau khi ly hôn anh S có yêu cầu xin được nuôi cháu Vũ Ngọc Gia H và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M với anh Vũ Ngọc S.

- Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 25/10/2012. Vợ chồng ly hôn đề nghị giao con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị M phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Ngọc S có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã N huyện N tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa, anh Vũ Ngọc S vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S kết hôn kết hôn vào ngày 12 tháng 01 năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay không quan tâm chăm sóc tới nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh S cũng đồng ý ly hôn với chị M. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị M và anh S là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2012. Chị M và anh S đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu Vũ Ngọc Gia H. Xét thấy cháu Gia H còn nhỏ, anh S hiện không đi làm, sống phụ thuộc gia đình. Ngược lại chị M có công việc ổn định, hàng tháng vẫn gửi tiền về nuôi cháu Gia H. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Vũ Ngọc Gia H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với sự phát triển về thể chất và tâm lý cho cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị M. Chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vũ Ngọc S phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 25/10/2012 cho chị Phạm Thị M nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh Vũ Ngọc S thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1]. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M với anh Vũ Ngọc S.

[2]. Xử giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Gia H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2012. Anh Vũ Ngọc S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh Vũ Ngọc S phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 25/10/2012 cho chị Phạm Thị M nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: BB/2012/06029 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M, vắng mặt anh S. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Hùng Phương